

Thực trạng mô hình bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023-2025

CURRENT STATUS OF DISEASE PATTERNS AND MEDICAL EXAMINATION AND TREATMENT ACTIVITIES AT TUE TINH HOSPITAL IN 2023-2025

Trần Thị Diễm¹, Đoàn Quang Huy², Vũ Đức Định³, Đỗ Ba Kế¹

¹Trường Y Dược Phenikaa - Đại học Phenikaa

²Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

³Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Phú Quốc

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát mô hình bệnh tật và thực trạng khám và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, hồi cứu trên hồ sơ bệnh án điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh từ 01/07/2023 đến 30/09/2025.

Kết quả: Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết, với 4,579 trường hợp (38,62%), đứng đầu trong cả ba năm (từ 36,07% đến 40,70%), tiếp theo là chương bệnh của hệ nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa, (chiếm 12,14%), và chương bệnh của hệ thần kinh chiếm 9,66%. Phương pháp điều trị chủ yếu là kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền chiếm khoảng 70%. Đa số bệnh nhân có kết quả điều trị tốt, trong đó nhóm đỡ bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất, dao động từ 78,11% đến 89,99%.

Kết luận: Mô hình bệnh tật tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh phù hợp, đa dạng và đáp ứng xu thế bệnh tật của bệnh viện đa khoa kết hợp Y học hiện đại và Y học cổ truyền. Chủ yếu khám và điều trị bệnh lý mạn tính. Phương pháp điều trị chủ yếu là kết hợp Y học cổ truyền và Y học hiện đại.

Từ khóa: Mô hình bệnh tật, Bệnh viện Tuệ Tĩnh, y học cổ truyền.

ABSTRACT

Objective: To survey on disease patterns and the current status of medical examination and treatment at Tue Tinh hospital during 2023 – 2025.

Subjects and methods: A retrospective, cross-sectional descriptive study was conducted on medical records of patients treated at Tue Tinh Hospital from July 1st 2023 to September 30th 2025.

Results: The most prevalent disease group was diseases of the musculoskeletal system and connective tissue, with 4,579 cases (38.62%), ranking first across all three years (36.07% – 40.70%). The next most common were endocrine, nutritional, and metabolic diseases (12.14%), followed by diseases of the nervous system (9.66%). The main treatment approach as the integration of modern and traditional medicine, applied in approximately 70% of cases. Most patients achieved favorable treatment outcomes, with the “improved” group accounting for 78.11% – 89.99% of cases.

Conclusion: The disease patterns observed at Tue Tinh Hospital were appropriate, diverse, and consistent with the morbidity trends typically seen in general hospitals that integrate modern and traditional medicine. The majority of cases involved chronic diseases, reflecting the hospital's patient population. The main treatment approach was the combination of traditional medicine and modern medicine, which contributed significantly to effective disease management and improved patient outcomes.

Keywords: Diseases patterns, Tue Tinh Hospital, Traditional medicine.



ĐẶT VẤN ĐỀ

Mô hình bệnh tật (MHBT) là sự phản ánh khách quan điều kiện về kinh tế, xã hội, văn hóa và tình hình sức khỏe của người dân [1]. Việt Nam là một quốc gia có nền YHCT lâu đời với bề dày kinh nghiệm hàng ngàn năm. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, YHCT Việt Nam đã trở thành một nền y học chính thống của dân tộc góp phần không nhỏ trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân [2]. Bệnh viện Tuệ Tĩnh là bệnh viện hạng 2 trực thuộc Bộ Y tế định hướng phát triển YHCT kết hợp YHHĐ trong chăm sóc sức khỏe nhân dân tại khu vực trong và ngoài Hà Nội. Sau đại dịch covid 19 mô hình bệnh tật có sự thay đổi, để làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng, xác định những yếu tố ảnh hưởng và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tăng cường chất lượng hoạt động của bệnh viện, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Khảo sát mô hình bệnh tật và thực trạng khám và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Hồ sơ bệnh án lưu trữ của bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh từ 01/01/2023 đến 30/09/2025, đảm bảo có đầy đủ các thông tin: Tên, tuổi, giới, dân tộc, nghề nghiệp, địa chỉ, đối tượng bảo hiểm, thời gian nhập viện, chẩn đoán ra viện (gồm chẩn đoán YHHĐ và YHCT theo mã bệnh), thuốc và phương pháp điều trị (YHHĐ và YHCT), kết quả điều trị, thời gian điều trị.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ 01/12/2024 đến 01/10/2025

Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Tuệ Tĩnh.

Phương pháp nghiên cứu và đánh giá

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, hồi cứu trên bệnh án lưu trữ tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Tất cả hồ sơ bệnh án của bệnh nhân đến khám và điều trị nội trú tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2025 thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu.

Công cụ, phương pháp thu thập thông tin:

Công cụ nghiên cứu: Phiếu thu thập thông tin nghiên cứu, bảng phân loại quốc tế về bệnh tật ICD-10, danh mục chứng bệnh y học cổ truyền.

Phương pháp thu thập thông tin: Xuất số liệu từ phần mềm quản lý tại bệnh viện sang phần mềm Excel đã soạn thảo sẵn, xác định hồ sơ bệnh án đạt đủ tiêu chuẩn lựa chọn, sắp xếp tên bệnh theo ICD-10, mã hóa số liệu, nhập số liệu thu thập vào phần mềm SPSS 20.0.

Chỉ số nghiên cứu và phương pháp đánh giá kết quả:

Đặc điểm chung: Tuổi, giới.

Mô hình bệnh tật: Mã bệnh YHHĐ theo ICD – 10 và mã bệnh YHCT theo Quyết định 7603/QĐ-BYT năm 2018.

Tình hình điều trị:

- Phương pháp điều trị: YHHĐ và YHCT
- Kết quả điều trị: Khỏi, đỡ, không đỡ, nặng thêm/ chuyển tuyến, tử vong
- Công suất sử dụng giường bệnh trong 1 năm = tổng số ngày điều trị nội trú/365 ngày x số giường.
- Tổng số ngày điều trị và số ngày điều trị trung bình = Tổng số ngày nằm viện/Tổng số bệnh nhân.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 với các thuật toán thống kê để tính toán tần suất và tỷ lệ%, số trung bình, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng thuận của Hội đồng đạo đức Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam và Bệnh viện Tuệ Tĩnh theo số 03/GCN-HĐĐĐ. Nghiên cứu chỉ nhằm mục đích khoa học, các thông tin của bệnh nhân đều được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Mô hình bệnh tật tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Bảng 1. Tỷ lệ mắc bệnh giai đoạn 2023-2025 của 22 chương bệnh theo ICD-10

Chương bệnh	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025		Tổng 33 tháng	
	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)
Chương I	641	15,79	187	4,47	82	2,27	910	7,67

Chương II	45	1,11	67	1,60	35	0,97	147	1,24
Chương III	1	0,02	8	0,19	2	0,06	11	0,09
Chương IV	468	11,53	517	12,35	454	12,57	1439	12,14
Chương V	44	1,08	57	1,36	37	1,02	138	1,16
Chương VI	301	7,42	438	10,46	406	11,24	1145	9,66
Chương VII	1	0,02	3	0,07	3	0,08	7	0,06
Chương VIII	163	4,02	132	3,15	133	3,68	428	3,61
Chương IX	295	7,27	344	8,22	310	8,58	949	8,00
Chương X	64	1,58	85	2,03	108	2,99	257	2,17
Chương XI	138	3,40	211	5,04	188	5,20	537	4,53
Chương XII	282	6,95	224	5,35	164	4,54	670	5,65
Chương XIII	1464	36,07	1645	39,29	1470	40,70	4579	38,62
Chương XIV	43	1,06	117	2,79	97	2,69	257	2,17
Chương XV	0	0	0	0	1	0,03	1	0,01
Chương XVI	0	0	0	0	0	0	0	0
Chương XVII	1	0,02	1	0,02	3	0,08	5	0,04
Chương XVIII	44	1,08	61	1,46	31	0,86	136	1,15
Chương XIX	50	1,23	70	1,67	65	1,80	185	1,56
Chương XX	1	0,02	3	0,07	2	0,06	6	0,05
Chương XXI	13	0,32	17	0,41	21	0,58	51	0,43
Chương XXII	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	4059	100	4187	100	3612	100	11858	100

Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là Chương XIII – Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết, với 4579 trường hợp (38,62%), đứng đầu trong cả ba năm (từ 36,07% đến

40,70%), tiếp theo là Chương IV – Bệnh của hệ nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa, chiếm 12,14%, và Chương VI – Bệnh của hệ thần kinh chiếm 9,66%.

Bảng 2. Phân bố 10 bệnh có tỷ lệ điều trị cao nhất tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh theo mã bệnh ICD-10 giai đoạn 2023-2025

STT	Tên bệnh theo mã bệnh ICD-10	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025		Tổng 33 tháng	
		SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh khác của cột sống	1127	36,94	1253	44,73	1119	45,69	3499	42,15
2	Sốt virut khác do tiết tuc truyền và sốt virus xuất huyết	620	20,32	153	5,46	28	1,14	801	9,65
3	Đái tháo đường	257	8,42	361	12,89	286	11,68	904	10,89
4	Tổn thương thần kinh, và đám rối thần kinh	137	4,49	262	9,35	248	10,13	647	7,79
5	Tăng huyết áp	152	4,98	171	6,1	195	7,96	518	6,24
6	Bệnh khác của da và mô tế bào dưới da	170	5,57	146	5,21	109	4,45	425	5,12
7	Bệnh khác của tai và xương chũm	162	5,31	132	4,71	130	5,31	424	5,11



8	Bệnh khác về nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hoá	193	6,33	92	3,28	109	4,45	394	4,75
9	Bệnh thoái hóa khớp	132	4,33	110	3,93	117	4,78	359	4,32
10	Liệt não, hội chứng liệt khác	101	3,31	121	4,32	108	4,41	330	3,98
Tổng		3051	100	2801	100	2449	100	8301	100

Trong giai đoạn 2023–2025, tổng số bệnh nhân thuộc 10 bệnh thường gặp nhất theo ICD-10 là 8.301 trường hợp, chiếm 70% trong tổng số người điều trị nội trú tại

Bệnh viện Tuệ Tĩnh. Trong đó, ba nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: Bệnh khác của cột sống 42,15%, đái tháo đường (10,89%), sốt virus do tiết túc truyền (9,65%).

Bảng 3. Phân bố 10 nhóm chứng bệnh có tỷ lệ cao nhất tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh theo mã bệnh YHCT giai đoạn 2023 - 2025

STT	Tên bệnh theo mã bệnh YHCT	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng 2025		Tổng 33 tháng	
		SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)	SL (n)	Tỷ lệ (%)
1	Chứng tý	1228	42,4	1290	46,8	1119	48,1	3637	51,4
2	Chứng ôn bệnh	518	17,9	150	5,4	30	1,3	698	9,9
3	Chứng tiêu khát	257	8,9	361	13,1	286	12,3	904	11,3
4	Chứng yêu thống	230	8	264	9,6	240	10,3	734	10,4
5	Chứng huyễn vựng	145	5	164	5,9	186	8	495	7
6	Chứng thấp chẩn	80	2,8	95	3,4	75	4,3	247	3,9
7	Chứng nhĩ cam	75	2,6	80	2,9	56	2,4	211	2,6
8	Chứng đàm	150	5,2	128	4,6	102	4,4	380	5,4
9	Chứng hạch tất phong	120	4,1	115	4,2	108	4,6	343	4,8
10	Chứng bán thân bất toại	90	3,1	112	4,1	102	4,4	304	4,3
Tổng		2893	100	2759	100	2328	100	7980	100

Chứng tý (51,4%) chiếm hơn một nửa tổng số ca, và giữ sự ổn định trong 3 năm. Chứng ôn bệnh giảm rõ từ 2023 (518 ca) xuống 2025 (30 ca).

Các chứng bệnh như tiêu khát (11,3%), yêu thống

(10,4%), và huyễn vựng (7,0%) cũng chiếm tỷ lệ đáng kể.

Thực trạng về hoạt động khám chữa bệnh và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025

Bảng 4. Đặc điểm về khám và điều trị bệnh theo năm của Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Đặc điểm		Năm 2023	Năm 2024	9 tháng năm 2025
Khám bệnh và điều trị	Tổng số lượt khám	9954	10625	11500
	Tổng số thu dung điều trị	4555	4620	3870
	Tỷ lệ thu dung/khám (%)	45,76	43,48	33,65
	Điều trị ngoại trú (ca)	490	428	258
	Điều trị nội trú (ca)	4065	4192	3612
Tỷ lệ cấp cứu/thu dung (%)		5,8	4,5	5,3

Trong giai đoạn 2023–2025, hoạt động khám và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh có xu hướng tăng về tổng số lượt

khám nhưng giảm nhẹ về số ca thu dung điều trị, dẫn đến tỷ lệ thu dung/khám có xu hướng giảm dần qua các năm.

Bảng 5. Đặc điểm về phương pháp điều trị tại bệnh viện cho bệnh nhân

Phương pháp điều trị	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng năm 2025	
	n	%	n	%	n	%
YHCT	902	19,8	785	17,0	646	16,7
YHHĐ	487	10,7	552	12,0	483	12,5
YHHĐ & YHCT	3166	69,5	3283	71,0	2741	70,8
Tổng	4555	100	4620	100	3870	100

Trong giai đoạn 2023–2025, phương pháp điều trị kết hợp giữa YHCT và YHHĐ chiếm tỷ lệ cao nhất, dao động từ 69,5 – 71,0%. Tỷ lệ điều trị YHCT đơn thuần dao động từ 16,7 – 19,8%, trong khi YHHĐ đơn thuần chiếm 10,7 – 12,5%.

Bảng 6. Kết quả điều trị của bệnh nhân tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025

Kết quả điều trị	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng năm 2025	
	n	%	n	%	n	%
Khỏi bệnh	639	15,74	364	8,69	699	19,87
Đỡ bệnh	3393	83,59	3768	89,99	2747	78,11
Không cải thiện	13	0,32	40	0,96	45	1,28
Nặng thêm/chuyển tuyến	14	0,34	15	0,36	26	0,74
Tử vong/ xin về	0	0	0	0	0	0
Tổng	4059	100	4187	100	3517	100

Giai đoạn 2023–2025, đa số bệnh nhân có kết quả điều trị tốt, trong đó nhóm đỡ bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất, dao động từ 78,11% đến 89,99%, tỷ lệ khỏi bệnh có sự biến động qua các năm, cao nhất năm 2025 (19,87%), cho thấy hiệu quả điều trị có xu hướng được cải thiện.

BÀN LUẬN

Mô hình bệnh tật tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Kết quả nghiên cứu cho thấy bệnh nhân phân bố không đồng đều giữa các chương bệnh theo ICD-10 trong giai đoạn 2023–2025. Nhìn chung, ba nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất và ổn định qua các năm gồm: Chương XIII (Bệnh của hệ cơ xương và mô liên kết) trung bình 3 năm là 38,62%. Chương IV (Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hoá): Dao động quanh mức 11,5–12,6%, trung bình 12,14%. Chương VI (Bệnh hệ thần kinh): Tăng dần từ 7,42% năm 2023 lên 11,24% năm 2025, trung bình 9,66%. Ba nhóm này chiếm gần 60% tổng số ca bệnh trong toàn giai đoạn, cho thấy bệnh lý cơ xương khớp, nội tiết – chuyển hóa và thần kinh là các nhóm bệnh nổi bật, đóng góp lớn vào gánh nặng bệnh tật tại cơ sở nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có sự tương đồng với nghiên cứu của Phạm Hoàng Giang (2020) khi mô hình bệnh tật phân loại theo ICD10 của Bệnh viện YHCT Hà Đông phổ

biến nhất là nhóm Bệnh của hệ cơ, xương khớp và mô liên kết (35,84%), nhóm bệnh hệ thần kinh (33,08%) [3]. Hay nghiên cứu của Cao Thị Huyền Trang (2016) khảo sát mô hình bệnh tật và tình hình điều trị tại khoa nội Bệnh viện YHCT Trung ương (2014 – 2015) các bệnh thuộc hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm tỷ lệ cao nhất (25,35%) [4]. Nhóm bệnh cơ xương khớp luôn chiếm tỷ lệ cao nhất và có xu hướng tăng qua các năm, phản ánh tình hình gia tăng bệnh lý cơ xương khớp ở người cao tuổi và các bệnh nghề nghiệp liên quan đến tư thế, lao động văn phòng, thiếu vận động. Không chỉ xuất hiện ở các đối tượng bệnh nhân cao tuổi, bệnh lý về cơ xương khớp đang có xu hướng ngày càng trẻ hóa. Nhìn chung, cơ cấu bệnh tật tại cơ sở nghiên cứu cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ bệnh truyền nhiễm sang bệnh mạn tính không lây, đặc biệt là bệnh cơ xương khớp, nội tiết, thần kinh và tim mạch. Xu hướng này phù hợp với đặc điểm dịch tễ học chuyển tiếp tại Việt Nam, nơi tỷ lệ bệnh không lây ngày càng tăng cùng với già hóa dân số và thay đổi lối sống.

Trong giai đoạn 2023 – 2025 có 10 nhóm bệnh hàng đầu chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng số bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh, với tổng cộng 8.301 ca. Trong đó, ba nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: Bệnh khác của cột sống (42,15%), đái tháo đường (10,89%), sốt virus do tiết



túc truyền (9,65%). Ba nhóm này đã chiếm tới trên 60% tổng số bệnh nhân, phản ánh mô hình bệnh lý thiên về cơ xương khớp và bệnh mạn tính chuyển hóa, kèm theo một tỷ lệ nhất định các bệnh truyền nhiễm.

Trong tổng số 11.858 bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh thì có 7070 bệnh nhân mắc 10 chứng bệnh thường gặp nhất theo YHCT chiếm tỷ lệ 59,6%. Số lượng bệnh nhân mắc các bệnh, cũng như tỷ lệ mười bệnh chính thường gặp tại khoa không hoàn toàn trùng với YHHĐ, điều này có thể giải thích là do một chứng bệnh của YHCT bao gồm rất nhiều bệnh của YHHĐ và nhiều triệu chứng bệnh trong YHHĐ cũng có thể nằm trong nhiều chứng khác nhau. Hơn nữa các bệnh nhân vào điều trị thường có nhiều bệnh đi kèm. Chứng tý (51,4%) chiếm hơn một nửa tổng số ca, phản ánh đặc trưng nổi bật của Bệnh viện Tuệ Tĩnh là điều trị bệnh lý cơ xương khớp. Các chứng bệnh như tiêu khát (11,3%), và huyết vụng (7%) cũng chiếm tỷ lệ đáng kể. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có sự tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thùy Linh tại Bệnh viện YHCT Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cho thấy tỷ lệ chứng tý là 74,2% [5].

Thực trạng hoạt động về khám và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh

Qua 3 năm (2023 – 2025), số liệu cho thấy hoạt động khám và điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh có xu hướng tăng về tổng số lượt khám. Cụ thể, tổng lượt khám tăng dần từ 9.954 lượt (năm 2023) lên 10.625 lượt (2024) và đạt 11.500 lượt (2025) – tăng khoảng 15,5% sau 3 năm. Tỷ lệ nội trú/thu dung tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025 luôn duy trì ở mức rất cao (trên 89%) và có xu hướng tăng, phản ánh rõ đặc trưng bệnh viện nơi phần lớn bệnh nhân cần được điều trị tích cực, lưu trú dài ngày nhất là các bệnh lý mạn tính, thường xuyên tái phát theo đợt. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thùy Linh, khi số bệnh nhân nhập viện điều trị nội trú chiếm 92,7% tổng số bệnh nhân điều trị tại bệnh viện [5].

Tỷ lệ thủ thuật YHCT cao hơn YHHĐ là đặc điểm nổi bật của Bệnh viện Tuệ Tĩnh. Điều này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thế mạnh chuyên môn của Bệnh viện Tuệ Tĩnh – nơi tập trung phát triển các kỹ thuật YHCT như: Điện châm, thủy châm, cứu ngải, xoa bóp – bấm huyệt, giác hơi,... Tỷ lệ thủ thuật YHCT chiếm khoảng 64–65% cho thấy mức độ ứng dụng cao của các phương pháp YHCT trong điều trị thường quy, đồng thời phản ánh định hướng phát huy thế mạnh YHCT kết hợp YHHĐ của bệnh viện.

Kết quả điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh nhìn chung rất khả quan, với hơn 97 – 99% bệnh nhân có cải thiện (khỏi

hoặc đỡ bệnh) mỗi năm. Trong đó, đa số bệnh nhân được đánh giá là đỡ bệnh (78 – 90%), cho thấy hiệu quả điều trị rõ rệt, đặc biệt đối với bệnh mạn tính hoặc giai đoạn phục hồi chức năng, vốn là thế mạnh của YHCT. Tỷ lệ khỏi bệnh dao động từ 8,7 – 19,9%, có biến động giữa các năm, trong khi tỷ lệ không cải thiện hoặc chuyển tuyến rất thấp (<2%) và không ghi nhận ca tử vong nào trong cả giai đoạn (bảng 6). Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Thị Huyền Trang (2021), tỷ lệ bệnh nhân đỡ và khỏi chiếm tỷ lệ cao 90,3% và 8,9% và không ghi nhận ca tử vong [6].

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 11.858 hồ sơ bệnh án điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh giai đoạn năm 2023-2025, mô hình bệnh tật đa dạng, đáp ứng xu thế và phù hợp với mô hình bệnh tật của một bệnh viện đa khoa kết hợp YHHĐ và YHCT, trong đó tập trung chủ yếu các bệnh lý cơ xương khớp, nội tiết chuyển hóa, bệnh thần kinh, tim mạch. Tỷ lệ 70% bệnh nhân được điều trị kết hợp YHHĐ và YHCT, tỷ lệ bệnh nhân khỏi và đỡ bệnh là 89,99%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. World Health Organization.** *Chiến lược y học cổ truyền của Tổ chức y tế thế giới*, 2014.
- 2. Thủ tướng Chính phủ.** *Quyết định số 1893/QĐ – TTg, ngày 25/12/2019, về việc Ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030*, 2019.
- 3. Phạm Hoàng Giang.** *Mô hình bệnh tật bệnh nhân điều trị nội trú và thực trạng nguồn lực tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông*, Luận văn thạc sĩ Y học, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, 2020.
- 4. Cao Thị Huyền Trang.** *Khảo sát mô hình bệnh tật và tình hình điều trị tại khoa Nội- Bệnh viện Y học cổ truyền trung ương năm 2014-2015*, Luận văn bác sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội, 2016.
- 5. Nguyễn Thùy Linh.** *Nghiên cứu cơ cấu bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng năm 2018-2019*, Luận văn Thạc sĩ Y học, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, 2019.
- 6. Hoàng Thị Huyền Trang.** *Đặc điểm bệnh tật và thực trạng nguồn nhân lực tại Khoa Y học cổ truyền Bệnh viện đại học Y Hải Phòng năm 2019-2020*, Luận văn Thạc sĩ Y học, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam, 2021.